

Bài 4

CÁC NUỐC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Nhận thức được :

- Những nét lớn về quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á, những mốc chính của tiến trình cách mạng Lào và Campuchia.
- Những giai đoạn, thành tựu xây dựng đất nước và sự liên kết khu vực của các nước Đông Nam Á.
- Những nét lớn về cuộc đấu tranh giành độc lập và thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Ấn Độ.

2. Về kĩ năng

- Rèn luyện khả năng khái quát, tổng hợp các vấn đề trên cơ sở các sự kiện đơn lẻ.
- Rèn luyện khả năng tư duy phân tích, so sánh các sự kiện ; biết sử dụng lược đồ để xác định vị trí các quốc gia, các thủ đô, năm giành độc lập hoặc trình bày các sự kiện tiêu biểu của phong trào giành độc lập.

3. Về thái độ

- Nhận thức được tính tất yếu của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc : sự xuất hiện các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á và Ấn Độ.
- Nhận thức được những nét tương đồng và đa dạng trong sự phát triển đất nước, tính tất yếu của sự hợp tác phát triển giữa các nước ASEAN và sự hội nhập khu vực ; đánh giá cao những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Đông Nam Á và Ấn Độ, từ đó đóng góp vào xây dựng tình đoàn kết với nhân dân các nước này và xây dựng ASEAN lớn mạnh.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

- Khi dạy bài các nước Đông Nam Á với tư cách một khu vực (trong thời kì đấu tranh giành độc lập và cả trong thời kì xây dựng đất nước), GV cần chú ý lựa chọn các sự kiện tiêu biểu, vừa chú ý tính tổng hợp, khái quát.

– Đây là thời kì Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng : từ khu vực vốn là thuộc địa, lệ thuộc chủ nghĩa thực dân trở thành những nước độc lập, bộ mặt khu vực từng bước thay đổi căn bản.

– Trong quá trình xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, giữa các nhóm nước trong khu vực thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau. Nhóm nước Đông Dương và Mianma đã phát triển theo mô hình kinh tế tập trung, tuy có đạt được một số thành tựu, nhưng nền kinh tế còn khó khăn. Tuy nhiên, từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX trở đi, các nước này lần lượt và từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, bước đầu gặt hái được những thành tựu đáng khích lệ. Các nước Đông Nam Á khác, sau khi giành được độc lập, đều tiến hành công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (tất nhiên thời điểm không giống nhau). Trong thời gian đầu, mô hình này đạt được nhiều thành tựu, nhưng sau đó chiến lược này cũng bộc lộ nhiều hạn chế nên các nước đã chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo. Chiến lược đó đã khẳng định hướng đi đúng đắn của các quốc gia này.

– Nếu như trong thời kì đô hộ của chủ nghĩa thực dân, các nước Đông Nam Á bị lôi cuốn một cách cưỡng bức vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, thì sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á đã từng bước tiến hành hội nhập một cách chủ động – đó là sự ra đời của tổ chức ASEAN. ASEAN phát triển thành công theo hai hướng : mở rộng số thành viên từ 5 nước lên 10 nước ; mở rộng và phát triển theo chiều sâu những vấn đề hợp tác, hội nhập. Đây là tổ chức khu vực gặt hái được sự thành công lớn sau EU, nhưng lại khác EU ở chỗ : ASEAN hội nhập tất cả các nước có chế độ chính trị khác nhau để tạo ra một khu vực Đông Nam Á hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, thịnh vượng.

– Về Ấn Độ, cần lưu ý :

+ Nền độc lập đạt được từ thấp đến cao : từ tự trị đến độc lập hoàn toàn.

+ Kế hoạch Maobátton và hậu quả của nó : đất nước Ấn Độ bị chia cắt,...

+ Ấn Độ là một trong những nước sau khi giành được độc lập có sự tự cường, tự lực vươn lên nhanh chóng về mọi mặt, đạt được thành tựu đáng khâm phục.

+ Ấn Độ luôn thi hành chính sách đối ngoại hoà bình, trung lập tích cực,...

– Về phương pháp, tùy GV lựa chọn phương pháp dạy học cho phù hợp. Tuy nhiên, xin gợi ý một số điểm để tham khảo :

- + Mục I. 1, GV sử dụng lược đồ kết hợp với đặt câu hỏi, hoặc lập bảng trong quá trình làm việc của thầy và trò để giúp HS ghi nhớ những mốc chính, sự kiện chính.
- + Mục I. 2, có thể giảng giải hay tổ chức thảo luận nhóm dưới sự gợi ý, hướng dẫn của GV.
- + Mục I. 3, GV phát vấn cho HS thảo luận, có thể kết hợp sử dụng phần mềm powerpoint trong giảng dạy.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Lược đồ khu vực Đông Nam Á và Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Một số tranh, ảnh, tư liệu về Đông Nam Á, ASEAN và Ấn Độ.
- Sổ tay kiến thức lịch sử phổ thông hoặc Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông.
- Projector, máy vi tính (nếu có).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

GV có thể nêu ngắn gọn những thuận lợi của tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, từ đó nêu bức tranh chung về những biến đổi của Đông Nam Á và Ấn Độ trên tất cả các lĩnh vực.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Các nước Đông Nam Á

1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a) Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập

– Trước hết, GV hướng dẫn HS quan sát *Lược đồ khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai* trong SGK để biết được vị trí của từng quốc gia và toàn cảnh khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

– GV hướng dẫn để HS hiểu được hai ý : *một là*, trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực đều là thuộc địa của các đế quốc Âu – Mĩ, sau đó tất cả các nước đều trở thành thuộc địa của Nhật Bản ; *hai là*, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực đều lần lượt giành được độc lập ở những mức độ khác nhau. Nhấn mạnh cho HS biết được, hầu hết các nước đều trải qua cuộc đấu tranh kéo dài mới giành và bảo vệ được độc lập trọn vẹn (GV có thể hướng dẫn HS lập niên biểu về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á).

b) Lào (1945 – 1975)

Khi giảng về Lào trong đấu tranh giành độc lập, GV cần khắc sâu để HS ghi nhớ ba giai đoạn :

– Tuyên bố độc lập (10 – 1945).

– Kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) : Thực dân Pháp tái chiếm Lào, cuộc kháng chiến chống Pháp phát triển (GV có thể đặt câu hỏi, ví dụ : Những sự kiện nào nói lên sự phát triển cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Lào ? Kết quả của cuộc kháng chiến đó ra sao ?).

– Kháng chiến chống Mĩ xâm lược (1954 – 1975) : GV cần tập trung vào một số nội dung như âm mưu của Mĩ đối với Lào, lưu ý những mốc chính trong giai đoạn này : 1954 – 1964, 1964 – 1969, 1969 – 1975, mỗi mốc này là sự tăng cường xâm lược của Mĩ và cũng là sự thất bại của chúng. GV giúp HS hiểu các thuật ngữ lịch sử : "chủ nghĩa thực dân kiểu mới", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh đặc biệt tăng cường",...

c) Campuchia (1945 – 1993)

Khi giảng về Campuchia, GV cần chọn lọc các sự kiện và trình bày những nội dung chính sau đây :

– Những nét lớn về cuộc vận động ngoại giao của Xihanúc, về phong trào kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản (1945 – 1954), ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương đối với Campuchia.

– Giai đoạn hoà bình trung lập (1954 – 1970), GV giúp HS nắm được : Đường lối hoà bình trung lập của Xihanúc thể hiện như thế nào ? (không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự, hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía không có điều kiện ràng buộc).

– Giai đoạn kháng chiến chống Mĩ (1970 – 1975) : GV chỉ nêu những sự kiện chính trong SGK, không cần đi vào chi tiết.

– Giai đoạn thống trị của tập đoàn Khơme đỏ và cuộc đấu tranh của nhân dân để lật đổ chúng. Lưu ý, không đi sâu miêu tả sự thống trị của tập đoàn Khơme đỏ mà tập trung hơn vào cuộc đấu tranh lật đổ chúng.

– Giai đoạn diễn ra cuộc nội chiến ở Campuchia, GV tập trung vào quá trình hoà giải, hoà hợp dân tộc ở Campuchia.

Lưu ý :

+ Khi giảng về Campuchia, GV cần chọn lọc các sự kiện cơ bản nhất, nhưng hệ thống để HS nắm được những nét lớn về lịch sử hiện đại Campuchia.

+ Không đề cập đến chính sách của Trung Quốc trong vấn đề Campuchia như trước đây.

+ Không phê phán hoặc nhận định về vai trò của Xihanúc qua các giai đoạn phát triển của Campuchia.

Để HS ghi nhớ các mốc phát triển của lịch sử Campuchia, GV có thể giúp các em tự làm bảng thống kê theo mẫu sau (hoặc chuyển thành bài tập ở nhà) :

Giai đoạn	Nội dung lịch sử
1945 – 1954	Kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản
.....

2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á

GV giới thiệu tình hình chung là sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đều bước vào xây dựng đất nước. Tuy nhiên, GV lưu ý cho HS thấy : thời điểm tiến hành xây dựng đất nước của các quốc gia không giống nhau (tuỳ thuộc vào thời gian giành được độc lập sớm hay muộn), về cơ bản ở khu vực có hai nhóm nước với hai chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

a) Nhóm năm nước sáng lập ASEAN

GV tập trung hướng dẫn HS hiểu được quá trình phát triển của nhóm nước này, vì đây là những nước khá thành công trong việc phát triển kinh tế, con đường và bước đi trong xây dựng kinh tế của họ mà chúng ta có thể học hỏi, vận dụng. GV tập trung khai thác hai ý chính : *một là*, chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu ; *hai là*, chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

– Trước hết, về chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, GV hướng dẫn HS khai thác các kiến thức trong SGK để làm rõ : mục tiêu, thời gian thực hiện, nội dung chủ yếu, thành tựu đạt được (thành tựu chung và thành tựu của từng nước), những hạn chế của chiến lược này. Chú ý : cho HS khai thác nội dung đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được thành tựu và hạn chế của chiến lược này ; giải thích thuật ngữ "công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu".

– Về chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo, GV hướng dẫn để HS hiểu được : Vì sao các nước này phải chuyển sang chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo ? HS tự trả lời và đây là cách dẫn dắt để làm rõ

chiến lược hướng ngoại. Trong nội dung này, GV tập trung làm rõ những nội dung sau : thời gian, mục tiêu, nội dung, thành tựu (thành tựu chung và thành tựu của từng nước). Hướng dẫn HS khai thác phần chữ nhỏ để tìm hiểu về những thành tựu cụ thể. (Lưu ý : về mục tiêu là khắc phục những hạn chế của chiến lược hướng nội, thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh ; về nội dung : thu hút vốn, kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu v.v.. Giải thích thuật ngữ "công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo").

Để HS dễ ghi nhớ, GV hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà theo mẫu sau :

Vấn đề	Chiến lược	Hướng nội	Hướng ngoại
Thời gian	
Mục tiêu	
Nội dung	
Thành tựu	
Hạn chế	

b) Nhóm các nước Đông Dương

– GV cho HS tìm hiểu những nét lớn trong quá trình phát triển kinh tế của nhóm nước này : phát triển nền kinh tế tập trung, kế hoạch hoá, nền kinh tế do nhà nước và tập thể nắm là chủ yếu, các thành phần kinh tế khác không có hoặc bị hạn chế và rất nhỏ bé, nền kinh tế nói chung phát triển còn thấp và khó khăn. Nhưng từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX trở đi, các nước này đều chuyển sang nền kinh tế thị trường, cải cách, mở cửa, các thành phần kinh tế đều được phát triển, nền kinh tế khởi sắc.

– HS cần biết được nét chính của quá trình phát triển kinh tế và thành tựu của từng nước : Lào, Campuchia.

Lưu ý, Việt Nam thuộc nhóm các nước Đông Dương, nhưng nội dung phần này chỉ tập trung trình bày về Lào và Campuchia còn về Việt Nam, HS sẽ được học kĩ trong phần lịch sử Việt Nam

c) Các nước khác ở Đông Nam Á

– Về Brunây, GV cần nêu đặc điểm : thu nhập chủ yếu dựa vào dầu mỏ và khí đốt ; lương thực, thực phẩm phải nhập tối 80% ; thu nhập bình quân đầu người cao. Từ giữa những năm 80, Brunây thực hiện đa dạng hoá nền kinh tế.

– Về Mianma, GV cần lưu ý tính tự lực hướng nội, "đóng cửa" của họ từ đầu những năm 90 trở về trước ; sự "mở cửa" của nước này từ cuối những năm 90 trở lại đây.

3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN

Trong mục này, GV cần tập trung giúp HS tìm hiểu những nội dung sau :

– Bối cảnh ra đời tổ chức ASEAN : GV cho HS đọc nội dung hai khổ chữ đầu của mục 3 trong SGK và trả lời câu hỏi : Tổ chức ASEAN ra đời trong bối cảnh khu vực và thế giới như thế nào ? Trả lời câu hỏi này, HS cần nêu được ba ý : những khó khăn đặt ra mà các nước thấy cần phải hợp tác với nhau, dựa vào nhau ; hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài ; xu thế xuất hiện của các tổ chức khu vực trên thế giới.

– Sự thành lập tổ chức ASEAN : HS ghi nhớ mốc thời gian, địa điểm, các thành viên sáng lập.

– Về mục tiêu của ASEAN : GV khắc sâu cho HS rõ, trên cơ sở những nỗ lực hợp tác chung giữa các thành viên để phát triển về kinh tế, văn hoá, duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.

– Sự phát triển của ASEAN : từ 5 nước ban đầu (1967), đến năm 1999 là 10 nước.

– Về hoạt động của ASEAN, GV cần làm rõ hai giai đoạn phát triển : giai đoạn 1967 – 1975, ASEAN là tổ chức non yếu, chưa có vị trí trên trường quốc tế ; giai đoạn từ giữa những năm 70 trở đi, ASEAN có bước phát triển mới. GV có thể đặt câu hỏi để HS tư duy, ví dụ : Sự kiện nào thể hiện bước phát triển mới của ASEAN ? Trả lời câu hỏi này, GV hướng HS lưu ý tới Hội nghị cấp cao ở Bali và Hiệp ước Bali năm 1976. HS trả lời xong, GV có thể hỏi tiếp : Vì sao Hiệp ước Bali được coi là bước phát triển của ASEAN ? Để trả lời câu hỏi này, GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK. Quan hệ giữa hai nhóm nước (Đông Dương và ASEAN) trong thời kì này ra sao ? Trọng tâm hoạt động của ASEAN 10 là gì ? GV hướng dẫn HS khai thác nội dung SGK để trả lời câu hỏi.

Mục II – Ấn Độ

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

GV dùng lược đồ khu vực Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai để giới thiệu về khu vực này và tập trung vào Ấn Độ.

HS cần nắm được ba ý sau :

– Về sự phát triển cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ giai đoạn 1945 – 1947, GV có thể đặt câu hỏi để HS tìm hiểu nội dung này một cách tích cực, ví dụ : Những sự kiện nào chứng tỏ sự phát triển mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ những năm 1945 – 1947 ? Để trả lời được câu hỏi này, HS cần đọc nội dung trong SGK, có thể trao đổi nhóm, sau đó đại diện nhóm phát biểu.

– Về kết quả của cuộc đấu tranh, GV có thể đặt câu hỏi. Ví dụ : Để đối phó với cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Ấn Độ, thực dân Anh đã phải làm gì ? Hậu quả của việc làm đó như thế nào ?

GV hướng dẫn để HS hiểu được : Hậu quả mà nhân dân Ấn Độ phải gánh chịu là đất nước bị chia cắt thành hai quốc gia theo tôn giáo (Ấn Độ của người Ấn Độ giáo và Pakistan của người Hồi giáo) và sự xung đột tôn giáo kéo dài đến ngày nay.

– Về cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn của nhân dân Ấn Độ, GV có thể đặt câu hỏi để HS rèn luyện tư duy khai quát, ví dụ : Nền độc lập mà nhân dân Ấn Độ đạt được trải qua những nấc thang nào ? Dưới sự hướng dẫn của GV, HS cần nhận thức được : cuộc đấu tranh này diễn ra từ thấp đến cao, yêu cầu độc lập cũng đạt được từ thấp đến cao : tự trị → độc lập hoàn toàn.

2. Công cuộc xây dựng đất nước

HS cần nhận thức được 2 nội dung :

– Những thành tựu mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong thời kì xây dựng đất nước về các mặt : nông nghiệp, công nghiệp, văn hoá, khoa học – kĩ thuật. GV cho HS khai thác nội dung đoạn chữ nhỏ (SGK) để chứng minh những thành tựu mà nhân dân Ấn Độ đạt được, sau đó có thể đặt câu hỏi : Những số liệu nào thể hiện những thành tựu mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong thời kì xây dựng đất nước ?

– Về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, GV cho HS khai thác SGK để hiểu được những nội dung chính.

3. Số kết bài học

GV hệ thống lại 4 nội dung cơ bản :

– Sự biến đổi của khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tức là từ những thuộc địa trở thành các quốc gia độc lập, có chủ quyền.

– Các con đường phát triển kinh tế và những thành tựu chính, nhiều nước trở thành "con rồng" kinh tế hoặc những nước công nghiệp mới (NICs).

– Lí do ASEAN ra đời, những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức này.

– Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ sau năm 1945 phát triển từ thấp đến cao, cuối cùng giành được độc lập hoàn toàn ; những thành tựu trong xây dựng đất nước của nhân dân Ấn Độ.

Sau đó, GV giao bài tập về nhà cho HS tự làm để củng cố kiến thức.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Trong khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi cuối bài, GV nên gợi ý để HS liên hệ (hoặc so sánh) với Việt Nam để thấy rõ mối quan hệ ở Đông Nam Á.

Câu 1. GV cần gợi ý cho HS lập niên biểu theo nội dung sau : thời gian, nội dung sự kiện (giành độc lập).

Câu 2. Yêu cầu HS sưu tầm tài liệu về ASEAN, mỗi HS có thể sưu tầm một trong các loại tài liệu (về văn hoá, hợp tác văn hoá, kinh tế, hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học – kĩ thuật, các văn kiện, tranh ảnh...). Đây là bài tập thực hành nên GV cần hướng dẫn để HS tự tìm hiểu.

Câu 3. Nêu những thành tựu chính của Ấn Độ về công nghiệp, nông nghiệp, khoa học, kĩ thuật v.v..

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Lan trước ngưỡng cửa của thế kỉ XXI

Thái Lan đã trải qua những chặng đường dài đầy khó khăn và thử thách, đã vươn lên và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Chỉ số cơ bản đánh dấu bước phát triển của đất nước là độ tăng trưởng về kinh tế. Trong nửa đầu thập kỉ 80, độ tăng trưởng trung bình hằng năm 5% là đà cho Thái Lan cất cánh trong những năm sau. Năm 1988, con số đó đạt đến đỉnh cao là 13%. Tiếp đó, ở mức 12% năm 1989 và 10% năm 1990. Bước vào thập kỉ 90, độ tăng trưởng này giữ nguyên trong những năm còn lại của thế kỉ XX trong mối quan hệ cân đối với những yếu tố kinh tế – xã hội trong nước. Nhờ vậy, tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người tăng tiến : năm 1990 là 1.418 USD, 1992 – 1.605 USD, 1993 – 1.905 USD... Nhìn lại năm 1970, con số này của Thái Lan mới 210 USD thì sau một phần tư thế kỉ đã tăng lên gấp 10 lần.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*,
NXB Giáo dục, H., 1994, tr. 179 – 180)

2. Xingapo – "con rồng" nổi trội của châu Á

Từ năm 1867 cho đến khi thực dân Anh trao trả quyền tự trị, Xingapo được đặt dưới sự cai trị trực tiếp của Bộ Thuộc địa Anh (trước đó nằm dưới sự điều hành của Toàn quyền Anh ở Ấn Độ). Sau khi giành được độc lập, do thị trường nội địa nhỏ hẹp, thiếu nguồn tài nguyên thiên nhiên, nên ngày 16 – 9 – 1963 Xingapo tự nguyện gia nhập Liên bang Malaixia. Nhưng sau đó, mâu thuẫn dân tộc giữa người Hoa và người Mã Lai trong Liên bang cùng với sự căng thẳng trong quan hệ giữa Indônêxia và Malaixia và những chính sách bảo hộ mậu dịch mà Chính phủ Liên bang thi hành đã làm cản trở sự phát triển của Xingapo nên các nhà cải cách dân chủ – xã hội Xingapo lại đấu tranh để tách khỏi Liên bang. Ngày 9 – 8 – 1965, Xingapo chính thức tách khỏi Liên bang Malaixia và ngày 22 – 12 – 1965, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Xingapo.

Từ năm 1965 trở đi, Xingapo bước sang một giai đoạn mới với chiến lược kinh tế hướng ngoại, rạng sức đưa toàn bộ các hoạt động kinh tế của mình hòa nhập vào hệ thống kinh tế thế giới và xây dựng một hệ thống pháp lý toàn diện, nhằm khuyến khích đầu tư và phát triển. Cùng với việc thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu, Xingapo chủ trương phát triển các ngành dịch vụ tài chính và thương mại quốc tế. Với những chính sách và biện pháp kinh tế mới, trong khoảng 15 năm, từ một nước với nền kinh tế chuyên buôn bán chuyển khẩu, Xingapo đã chuyển sang một nước có nền công nghiệp chế biến – chế tạo phát triển với một hệ thống dịch vụ kinh doanh và du lịch hấp dẫn, là một trong những trung tâm thương mại, hàng hải và tài chính quốc tế. Đầu những năm 80, quốc gia hải đảo nhỏ bé này đã trở thành một nước công nghiệp mới (NICs), "con rồng" ở châu Á được nhiều người ngưỡng mộ. Từ mức thu nhập bình quân đầu người là 435 USD năm 1960, đến năm 1992 đạt 11575 USD (sau Nhật Bản và Brunây ở châu Á).

(Trần Khánh, *Thành công của Xingapo
trong phát triển kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia,
H., 1993, tr. 10 – 11)

3. Tổ chức ASEAN

... Để đảm bảo môi trường hoà bình ổn định cho phát triển trong tình hình mới ở khu vực và trên thế giới, tháng 7 – 1993 các nước ASEAN quyết định thành lập Diễn đàn khu vực (ARF) với sự tham gia của 18 nước trong, ngoài khu vực để bàn vấn đề an ninh khu vực (gồm 6 nước ASEAN, Mĩ, Nhật Bản, Trung Quốc,

Nga, Canada, Liên minh châu Âu, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Việt Nam, Lào, Hàn Quốc và Papua Niu Ghinê). Đồng thời, ASEAN quyết định trong 10 năm sẽ biến Đông Nam Á thành khu vực mậu dịch tự do (AFTA).

Trong gần 30 năm tồn tại, từ một tổ chức lỏng lẻo, chủ yếu nhằm đối phó với những vấn đề thách thức mang tính chính trị, dần dần ASEAN đã tiến hành cơ cấu lại bộ máy hoạt động, xác định lại các lĩnh vực hợp tác và quan hệ với các nước trong và ngoài khu vực để đối phó với các thách thức, các vấn đề mới trong bối cảnh thế giới và khu vực đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt.

Các cơ quan chủ yếu của ASEAN :

– Hội nghị những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ ASEAN, còn gọi là Hội nghị cấp cao ASEAN, cơ quan quyền lực cao nhất của ASEAN (hợp chính thức 3 năm một lần và không chính thức ít nhất một lần trong thời gian 3 năm đó).

– Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM) : hội nghị hằng năm của các bộ trưởng ngoại giao ASEAN, có trách nhiệm đề ra và phối hợp các hoạt động của ASEAN.

– Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) : họp chính thức hằng năm, song AEM có thể họp không chính thức khi cần thiết.

– Hội nghị Bộ trưởng các ngành : được tổ chức khi cần thiết để thảo luận sự hợp tác trong các ngành cụ thể.

– Hội nghị liên tịch các bộ trưởng (JMM) : được tổ chức khi cần để thúc đẩy sự hợp tác giữa các ngành.

– Tổng thư ký ASEAN : được những người đứng đầu chính phủ bổ nhiệm theo khuyến nghị của AMM, thời gian 5 năm và có thể gia hạn thêm.

– Uỷ ban thường trực ASEAN : gồm chủ tịch là Bộ trưởng Ngoại giao của nước đăng cai hội nghị AMM.

Ngoài ra còn một số cuộc họp và các uỷ ban khác.

(ASEAN hình thành và phát triển, Tuần báo Quốc tế, số 9,
từ ngày 2 – 3 đến ngày 8 – 3 – 1995)